PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm **Resonance Bond Testing Couplant**

Các hình thức nhận dạng khác

Mã sản phẩm 3308193

Công dụng đề nghị Chất truyền âm.

Các giới hạn đề nghị Chưa được biết.

Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối

Tên công ty Vietnam Inspection Solutions Co., Ltd.

Địa chỉ 60 Vong Thi St, Tay Ho Dist
844836 Hanoi, Viet Nam

Số Điện Thoại +84 438-362-117

Fax +84 437-537-558

Số điện thoại khẩn cấp CHEMTREC
Hoa Kỳ: 1-800-424-9300, International: +1-703-527-3887

2. Nhận diện các hiểm họa

Nguy cơ vật lý Không được phân loại.

Hiểm Họa Cho Sức Khỏe Không được phân loại.

Các nguy cơ môi trường Không được phân loại.

Các thành phần của nhãn

Ký hiệu hiểm họa Không có.

Từ cảnh báo Không có.

Công bố hiểm họa Hỗn hợp không thỏa mãn tiêu chuẩn phân loại.

Thông điệp đề phòng

Ngăn ngừa Giám sát thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp.

Cách đối phó Rửa tay sau khi thao tác.

Bảo Quản Bảo quản tránh xa các vật liệu tương kỵ.

Thải loại Thải bỏ chất thải và các phần cặn dư theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại Chưa được biết.

Thông tin thêm Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Các thành phần là không nguy hiểm và ở dưới mức công bố cần thiết.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải Đưa ra nơi không khí trong lành. Hãy gọi cho bác sĩ nếu các triệu chứng xuất hiện hoặc không hết.

Tiếp xúc với da Rửa sạch bằng xà bông và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng

Tiếp xúc với mắt Rửa bằng nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng

Ăn phải Súc miệng. Tìm gặp y bác sĩ để điều trị nếu các triệu chứng xảy ra.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời. Có thể gây các rối loạn da dị ứng ở những người mẫn cảm.

Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt Điều trị triệu chứng.

Thông tin tổng quát	Đảm bảo rằng các nhân viên y tế nhận thức được (các) vật liệu liên quan, và thực hiện thận trọng để bảo vệ chính mình.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Sương nước. Bọt. Bộ hóa chất khô. Cacbon dioxyt (CO2).
Chất chữa cháy không phù hợp	Không dùng vòi xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ gây lan thêm lửa.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Trong khi cháy, các khí nguy hiểm cho sức khỏe có thể được hình thành.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Phải sử dụng thiết bị thở tự điều khiển và trang phục bảo hộ đầy đủ khi chữa cháy.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không gặp nguy hiểm. Làm nguội các dụng cụ đựng tiếp xúc với lửa bằng nước cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét các hiểm họa của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Sẽ cháy nếu gặp lửa.

6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Để xa những người không cần thiết. Loại bỏ tất cả nguồn gây cháy (không hút thuốc, lưỡi lửa, tia lửa, hoặc lửa ở khu vực trực tiếp). Trong trường hợp tràn đổ, cảnh giác các nền nhà và bề mặt trơn trượt. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Lượng Đổ Lớn: Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Đắp đê giữ vật liệu đã đổ, khi có thể. Dùng chất khoáng bón cây, cát hoặc đất khô thấm hút rồi cho vào thùng chứa. Sau khi thu hồi sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực. Lượng Đổ Nhỏ: Lau sạch bằng các vật liệu hút nước (ví dụ như khăn, bông). Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng ô nhiễm còn lại. Không bao giờ bỏ chất đã đổ vào bao chứa ban đầu để tái sử dụng. Về thải bỏ chất thải, xin xem mục 13 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Không xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Giữ tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn lửa khác. Tránh tiếp xúc lâu. Thực hiện thông khí đầy đủ. Trong trường hợp tràn đổ, cảnh giác các nền nhà và bề mặt trơn trượt. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo hướng dẫn ở Mục 8 của Phiếu An Toàn Hóa Chất. Giám sát thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Bảo quản ơ nơi mát, khô ráo. Bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu thật kín. Nhiệt Độ Bảo Quản: Giữa 0 và 35°C. Bảo quản xa các vật liệu tương kỵ (Xem Mục 10).

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp	Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Hệ thống thông hơi nình thường là đủ.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính mắt an toàn có gờ chắn kín.
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Bình thường không cần thiết. Sử dụng găng tay bảo vệ thích hợp khi có tiếp xúc lâu và nhiều lần với da.
Khác	Nên dùng trang phục lao động bình thường (áo tay dài và quần dài).
Bảo vệ hệ hô hấp	Trong trường hợp không đủ thông thoáng, sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp.
Các hiểm họa nhiệt	Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt, khi cần thiết.
Các lưu ý vệ sinh chung	Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm.

9. Các tính chất vật lý và hóa học

Ngoại Quan

Trạng thái vật lý	Chất lỏng.
Dạng	Chất lỏng có độ nhớt từ vừa đến cao.
Màu	Không màu đến phớt nhẹ.
Mùi	Gần như không mùi.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có.
pH	7 - 9
Điểm chảy/điểm đông	Không có.
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	182 °C (359.6 °F)
Điểm chớp cháy	Không có.
Tỉ lệ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có.
Áp suất hơi	< 0.1 mm Hg
Áp suất hơi nhiệt độ	20 °C (68 °F)
Mật độ hơi	Không có.
Tỷ trọng tương đối	1.03 (H2O=1)

(Các) độ tan

Tính tan (nước)	100 %
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có.
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.

Các thông tin khác

Các tính chất nổ	Không nổ.
Các tính chất oxy hóa	Không oxy hóa.
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	< 1 %

10. Tính ổn định và tính phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
Độ bền hóa học	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	Tránh nhiệt, tia lửa điện, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Tiếp xúc với các vật liệu tương kỵ.
Các vật liệu tương kỵ	Các chất oxy hóa mạnh.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Khi phân hủy nhiệt, sản phẩm này có thể phóng thích cacbon monoxyt và cacbon dioxyt.

11. Thông tin độc học

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Khi bị gia nhiệt, các hơi/khói sinh ra có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Có thể gây các rối loạn da dị ứng ở những người mẫn cảm.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời.
Ăn phải	Được xem là có hiểm họa ăn phải thấp.

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời. Có thể gây các rối loạn da dị ứng ở những người mẫn cảm.
Thông tin về các tác dụng độc	
Tính độc cấp	Không được xem là độc cấp tính.
Kích ứng/ăn mòn da	Tiếp xúc lâu dài với da có thể gây kích ứng nhất thời.
Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời.
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da	
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không phải là một chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
Gây mẫn cảm da	Không được phân loại. Tuy nhiên: Có thể gây các rối loạn da dị ứng ở những người mẫn cảm.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có dữ liệu cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có trên 0.1% tác nhân gây đột biến hoặc tác nhân gây ngộ độc di truyền.
Tính gây ung thư	Không thể phân loại là có tính gây ung thư cho người.
Độc tích sinh sản	Sản phẩm này không được xem là gây các tác dụng lên chức năng sinh sản hoặc tăng trưởng.
Tính độc hại cho bộ phận đích cụ thể - tiếp xúc một lần	Không được phân loại.
Tính độc hai cho bộ phận đích cụ thể - tiếp xúc lặp lại	Không được phân loại.
Hiểm họa hít phải	Không phải là một hiểm họa cho đường hô hấp.
Ảnh hưởng mãn tính	Dự kiến không có các tác dụng lâu dài khi sản phẩm này được sử dụng theo hướng dẫn.
Thông tin khác	Chưa thấy có tác dụng cấp tính hoặc mãn tính nào khác.

12. Thông tin sinh thái học

Độc tính sinh thái	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho môi trường. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là không có nguy cơ bị tràn đổ những lượng lớn hoặc thường xuyên dẫn đến tác dụng gây hại hoặc phá hủy môi trường.
Độ bền và khả năng phân hủy	Sản phẩm được xem là bị phân hủy bởi vi sinh vật.
Khả năng tích tụ sinh học	Sản phẩm dự kiến không tích tụ sinh học.
Lưu động trong đất	Vật liệu tan trong nước.
Các tác dụng có hại khác	Không có các tác dụng bất lợi cho môi trường nào khác (ví dụ, gây suy yếu tầng ozon, khả năng tạo ozon bằng phương pháp quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng làm tăng nhiệt độ trái đất) được xem là sẽ gặp phải từ thành phần này.

13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các dụng cụ đựng kín tại các bãi rác thải được phép.
Các quy định tiêu hủy của địa phương	Vứt bỏ tuân theo tất cả các quy định hiện hành.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Loại bỏ theo quy định của địa phương Các dụng cụ đựng hoặc túi lót rỗng có thể còn chứa các cặn dư của sản phẩm. Vật liệu này và dụng cụ đựng của nó phải được thải bỏ bằng một cách thức an toàn (xem: Hướng dẫn thải bỏ).
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các dụng cụ đựng đã cạn vẫn có thể còn lại cặn sản phẩm, thực hiện dán nhãn cảnh báo ngay cả sau khi dụng cụ đựng đã cạn. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. Thông tin vận chuyển

IATA

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC	Chưa được thiết lập.

15. Thông tin pháp luật

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Các quy định quốc tế

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôtxtrâylia	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học của Úc (AICS)	Có
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Có
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Nhật Bản	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Có
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Có
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Có
Đài Loan	Danh Mục Hóa Chất của Đài Loan (TCSI)	Có
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Có

*"Có" cho biết sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu của danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.
“Không” cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành 12-Tháng Bảy-2018

Ngày sửa đổi -

Phiên bản số 01

Khước Từ Trách Nhiệm Olympus không thể xác định trước tất cả các điều kiện mà thông tin ở đây cùng với sản phẩm của nó, hoặc sản phẩm của những nhà sản xuất khác cùng với sản phẩm của họ, có thể sẽ được sử dụng. Người dùng có trách nhiệm bảo đảm mọi điều kiện an toàn cho việc thao tác, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này, và chịu trách nhiệm pháp lý về việc mất mát, tổn thương, thiệt hại hoặc chi phí do việc sử dụng không phù hợp gây ra. Thông tin trong bảng này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có.